

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KẾT THÚC HỌC PHẦN XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

y

Phần 2: Trắc nghiệm đúng/sai. Giải thích

1. Khái niệm và phân loại hành động xã hội theo Max Weber, **phân biệt HĐXH và hành vi (theo LT hành vi cổ điển) (chưa có khúc sau)**

* **Khái niệm HĐXH theo Max Weber:** Hành động xã hội là hành động được chủ thể gắn cho nó một ý nghĩa chủ quan nào đó, là hành động có tính đến hành vi của người khác và vì vậy được định hướng tới người khác, trong đường lối, quá trình của nó.

* **Phân loại hành động xã hội;**

- + Hành động cảm xúc (duy cảm)
- + Hành động mang tính truyền thống
- + Hành động duy trí giá trị
- + Hành động hợp mục đích (duy lý công cụ)

Cụ thể

+ Hành động duy cảm: Là hành động của con người thực hiện theo cảm xúc nhất thời: sự tự hào, sự yêu thương, sự căm giận...

+ Hành động mang tính truyền thống: là hành động cá nhân thực hiện theo phong tục tập quán, truyền thống văn hóa.

VD: tục lệ ma chay, cưới hỏi...

+ Hành động duy lý giá trị: là hành động của cá nhân con người hướng tới các giá trị xã hội. Trong đời sống thông qua tương tác xã hội từ đời này sang đời khác, đã hình thành nên một hệ giá trị xã hội.

VD: sự giàu có, sức khỏe, sự hiếu thảo...

+ Hành động duy lý công cụ: là hành động mà cá nhân phải lựa chọn kỹ lưỡng để đạt mục tiêu.

VD: hoạt động kinh tế, quân sự....

2. Khái niệm vị thế xã hội. Các loại vị thế xã hội xã hội theo Linton. Các yếu tố ảnh hưởng đến vị thế xã hội.

* **Khái niệm:**

+ **Linton:** Vị thế xã hội là vị trí tương đối của một cá nhân trong bối cảnh xã hội giới hạn nhất định, mà từ đó có những kỳ vọng về vai trò.

+ **Nhà xã hội học J.H.Fischer:** Vị thế là vị trí của một người trong cơ cấu tổ chức xã hội theo sự thẩm định, đánh giá của xã hội.

=> **Vị thế xã hội là** vị trí xã hội với những trách nhiệm và quyền lợi gắn kèm theo. Nói cách khác, vị thế xã hội chính là một khái niệm tổng hợp nhằm chỉ vị trí cùng với những quyền lợi và nghĩa vụ tương ứng. Mỗi cá nhân có nhiều vị trí xã hội khác nhau, do đó họ có nhiều vị thế xã

hội khác nhau. Tuy nhiên mỗi cá nhân luôn có một vị thế chủ đạo xác định rõ chân dung xã hội của họ. Vị thế xã hội quan trọng nhất là vị thế xã hội do nghề nghiệp của cá nhân tạo nên

*** Các loại vị thế xã hội xã hội theo Linton**

+ **Vị thế gán cho:** Cá nhân không phải bỏ công sức để đạt được mà nó đã được gán cho cá nhân ngay từ khi sinh ra. Vị thế được quy định theo những cơ sở, điều kiện vốn có của cá nhân, những thiên chức hay đặc điểm cơ bản, những yếu tố tự nhiên.

+ **Vị thế đạt được:** Do các cá nhân nỗ lực trong suốt một thời gian mà có. Vị thế được quy định theo phẩm chất, năng lực, trình độ của cá nhân đó trong việc lựa chọn, hoạt động xã hội và được xã hội thừa nhận trong quá trình sinh sống.

+ **Vị thế vừa gán cho vừa đạt được:** Là sự kết hợp của “cái tự nhiên” với nỗ lực của bản thân

*** Các yếu tố ảnh hưởng đến vị thế xã hội.**

- *Yếu tố sinh học*

+ Giới tính

+ Sắc đẹp

+ Tuổi tác

+ 1 số năng khiếu khác

- *Trình độ học vấn*

+ Ngày nay, nền kinh tế tri thức đóng vai trò chủ đạo thì việc cá nhân tham gia vào hoạt động xã hội với những vị thế nhất định luôn gắn với trình độ học vấn.

+ Những người có trình độ học vấn cao thì có vị thế xã hội cao

- *Nghề nghiệp*

- *Của cải vật chất* dưới các hình thức là một tiêu chuẩn của vị thế xã hội. Đó là một đơn vị, là cơ sở đánh giá một cách khách quan về vị thế xã hội. Tài sản ở đây bao gồm đất đai, nhà máy,....

- *Chức vụ:* Tiêu chuẩn quan trọng của vị thế. Người có chức vụ cao thì có vị thế xã hội cao

- *Dòng dõi:* Một người sinh ra trong một gia đình danh giá hay không cũng có một giá trị nào đó về mặt xã hội, dù đó là một xã hội dân chủ nhất. “Con vua thì lại làm vua- Con sãi ở chùa thì quét lá đa

3. Khái niệm vai trò xã hội. Phân biệt căng thẳng vai trò, xung đột vai trò.

Phân tích mối quan hệ giữa vị thế xã hội và vai trò xã hội.

***Khái niệm**

- **I.Robertsons:** “Vai trò là một tập hợp các chuẩn mực, hành vi, nghĩa vụ và quyền lợi gắn với một vị thế nhất định.”

- **I.H.Fischer:** “Vai trò là những hành động, hành vi ứng xử, những khuôn mẫu tác phong mà xã hội chờ đợi hay đòi hỏi ở một người hay một nhóm xã hội nào đó phải thực hiện trên cơ sở vị thế của họ.”

=> Vai trò xã hội được hiểu là tập hợp những mong đợi, quyền lợi, nghĩa vụ của xã hội với một vị thế xã hội nhất định.

*Phân biệt căng thẳng vai trò và xung đột vai trò

- **Căng thẳng vai trò:** Là khái niệm chỉ sự xung khắc giữa các vai trò tương ứng với một địa vị/vị thế nhất định

- **Xung đột vai trò:** Là khái niệm chỉ sự xung khắc giữa các vai trò tương ứng với hai vị thế trở lên.

***Phân tích mối quan hệ giữa vị thế xã hội và vai trò xã hội.**

Đây là mqh đồng thuận (Vẽ ra).

Vị thế có trước

- **Vị thế quy định vai trò:**

- + Vị thế là cơ sở để xác định vai trò của cá nhân.
- + Vai trò xã hội nảy sinh trên cơ sở vị thế xã hội đã được quyết định.
- + Một vị thế có thể có nhiều vai trò, nhiều vị thế dẫn đến nhiều vai trò.
- + Vị thế thường ổn định hơn vai trò.
- + Vị thế như thế nào thì vai trò như thế ấy, vị thế biến đổi thì vai trò biến đổi theo, vị thế càng cao vai trò càng quan trọng.
- **Sự tác động trở lại của vai trò đối với vị thế:** Việc thực hiện **tốt hay không tốt** vai trò đều ảnh hưởng đến vị thế xã hội của các cá nhân theo các hướng sau:
 - + Thăng tiến vị thế
 - + Giữ nguyên vị thế
 - + Suy giảm vị thế
 - + Triệt tiêu hoàn toàn vị thế

4. Khái niệm văn hóa (theo quan điểm của xã hội học). Các thành tố cơ bản của văn hóa. Phân biệt tiểu văn hóa và phản văn hóa.

***Khái niệm:**

- Dưới góc độ xã hội học, "Văn hóa là những chân lý, những giá trị, những chuẩn mực, những mục tiêu mà con người chia sẻ với nhau trong tương tác trải qua thời gian.

=> Văn hoá được xem là sản phẩm của con người, là cách quan niệm cuộc sống, tổ chức cuộc sống và sống cuộc sống ấy

*** Các thành tố cơ bản của văn hóa (xem lại) gồm 4 thành tố:** giá trị, chuẩn mực, ngôn ngữ, mục tiêu (định nghĩa)

*** Phân biệt tiểu văn hóa và phản văn hóa.**

- **Tiểu văn hóa:** là văn hoá của các cộng đồng, nhóm xã hội mà có những sắc thái khác với nền văn hoá chung của xã hội. Tuy nhiên, tiểu văn hoá không đối lập với các giá trị văn hoá chung mà ngược lại nó bổ sung và làm phong phú thêm cho nền văn hoá chung.

+ Tiểu văn hóa địa lí: Được hình thành trên cơ sở của các vùng lãnh thổ hay địa vực, được một nhóm người cùng chia sẻ trong quá trình sinh tồn. Do điều kiện tự nhiên và lịch sử - xã hội của mỗi vùng không giống nhau nên cũng có sự phát triển về văn hóa khác nhau.

VD: Ở Việt Nam có 6 không gian văn hoá: Tây Bắc, Việt Bắc, châu thổ Bắc Bộ, Trung Bộ, Trường Sơn-Tây Nguyên, Nam Bộ

+ Tiểu văn hóa xã hội:

Văn hóa tôn giáo: Dựa trên sự đồng nhất về niềm tin vào cái siêu nhiên, phép lạ, là niềm tin tôn giáo. (Đạo Phật, đạo Hồi, đạo Tin lành...).

Văn hóa nghề nghiệp: Dựa trên những đặc điểm nghề nghiệp

- **Phản văn hóa**: là các giá trị văn hoá riêng tồn tại song song với nền văn hoá chung nhưng chúng đối lập với các nền văn hoá chung

VD: Văn hoá của nhóm Phátxít, văn hoá của nhóm Hippy, văn hoá của nhóm ma túy, tội phạm

+ Phản văn hoá luôn có hai mặt: Tích cực và tiêu cực.

Tích cực nếu nó là phản văn hoá của một nhóm người nhạy bén, sáng tạo, luôn luôn là yếu tố kích thích cho sự biến đổi xã hội.

Tiêu cực là không kích thích cho xã hội phát triển, gây bất ổn định xã hội.

5. Khái niệm xã hội hóa. Đặc điểm của quá trình xã hội hóa. Các môi trường cơ bản của quá trình xã hội hóa (Gia đình, nhà trường, nhóm bạn, truyền thông đại chúng).

* **Khái niệm**: Xã hội hóa ngày nay được hiểu theo 2 nghĩa

+ Là sự quan tâm, chia sẻ trách nhiệm của xã hội đối với một lĩnh vực hoạt động nào đó mà trước đây chúng được coi là nhiệm vụ của một tổ chức chuyên trách. (Xã hội hóa y tế, xã hội hóa thể thao, xã hội hóa giáo dục...)

+ Một quá trình chuyển con người từ thực thể sinh học sang thực thể xã hội.

=> **Xã hội hoá là quá trình trong đó cá nhân học cách trở thành thành viên xã hội thông qua học tập, lĩnh hội các giá trị, chuẩn mực xã hội và đóng các vai trò xã hội.**

* **Đặc điểm của quá trình xã hội hóa**

+ Là một quá trình tất yếu, khách quan.

+ Là một quá trình xã hội truyền văn hoá của mình cho các cá nhân.

+ Xã hội hóa là một quá trình hai mặt.

+ Trong quá trình xã hội hóa, con người vừa là khách thể, vừa là chủ thể của quá trình đó.

+ Xã hội hoá chịu sự tác động của điều kiện kinh tế – xã hội.

+ Xã hội hóa tuân thủ các khuôn mẫu khác nhau của các nhóm xã hội.

+ Xã hội hóa được thực hiện nhờ các thiết chế xã hội có sẵn như gia đình, trường học, kinh tế...

+ Xã hội hóa diễn ra không đều với các cá nhân.

+ Xã hội hoá sẽ diễn ra nhanh hơn nếu có khoảng vùng sự lựa chọn.

=> Nhờ quá trình **xã hội hoá** mà xã hội có thể tồn tại và luôn chuyển nền văn hoá của mình từ thế hệ này qua thế hệ khác; **làm cho con người từ một thực thể sinh học trở thành thực thể xã hội.**

*** Các môi trường cơ bản của quá trình xã hội hóa (Gia đình, nhà trường, nhóm bạn, truyền thông đại chúng).**

- Gia đình

+ Gia đình là môi trường quan trọng bậc nhất và đầu tiên của tiến trình xã hội hoá.

+ Gia đình là một tiểu văn hóa được xây dựng nên bởi nền giáo dục gia đình, truyền thống gia đình, lối sống của gia đình.

+ Các cá nhân trong gia đình sẽ tiếp thu những chuẩn mực, giá trị của tiểu văn hóa này thông qua những người gần gũi như ông bà, bố mẹ, anh chị em..

+ Giai đoạn sơ khai trong quá trình xã hội hoá có thể được thực hiện một cách chính thức hoặc một cách không chính thức và không có chủ đích.

+ Xã hội hóa không đơn thuần thông qua lời dạy mà còn qua cử chỉ, hành động.

- Nhà trường

+ Nhà trường là hệ thống giáo dục của xã hội – hệ thống giáo dục quốc gia.

+ Vườn trẻ, nhà trẻ là nơi trẻ thực hiện việc học và vui chơi trong những bước đầu.

+ Kiến thức khoa học xã hội và tự nhiên là nền tảng.

+ Học cách giao tiếp với người ngoài gia đình.

- Nhóm thành viên

+ Là các nhóm mà cá nhân là thành viên. (đồng hương, lớp học, nhóm cùng sở thích...)

+ Xã hội hoá cá nhân bằng con đường chính thức và phi chính thức.

+ Những thành viên của mỗi nhóm đều mong đợi các cá nhân trong nhóm tuân thủ những khuôn mẫu này chừng nào còn muốn là thành viên của nhóm đó.

+ Đây là môi trường xã hội hoá quan trọng thứ hai sau gia đình.

- Truyền thông đại chúng

+ Truyền thông đại chúng đã đóng một vai trò to lớn trong việc xã hội hóa cá nhân.

+ Tác động **tích cực** lẫn **tiêu cực** đến nhận thức, hành vi của con người

6. Khái niệm bất bình đẳng xã hội. Cơ sở tạo nên bất bình đẳng xã hội.

- Bất bình đẳng là khái niệm chỉ sự không ngang bằng nhau của các thành viên trong xã hội về địa vị xã hội, về việc thoả mãn các nhu cầu vật chất tinh thần

*** Cơ sở tạo ra bất bình đẳng xã hội:**

- Những cơ hội trong cuộc sống:

+ Bao gồm tất cả những thuận lợi vật chất có thể cải thiện chất lượng cuộc sống, đó không chỉ bao gồm những thuận lợi về vật chất, của cải, tài sản và thu nhập mà còn cả những điều kiện như **lợi ích chăm sóc sức khỏe** hay an sinh xã hội. Trong 1 xã hội có những nhóm người có thể có những cơ hội trong khi những nhóm khác thì không

- **Bất bình đẳng dựa vào địa vị xã hội:** Là uy tín hay vị trí cao trong con mắt những thành viên khác của xã hội, điều này có thể là bất cứ cái gì mà do một nhóm xã hội cho là ưu việt và được các nhóm xã hội khác thừa nhận.

Ví dụ: của cải, sự trong sạch về tôn giáo, chủng tộc, màu da...Cơ sở địa vị có thể khác nhau trong xã hội cụ thể một người này có thể có những cơ hội trong khi nhóm kia thì không.

- **Ảnh hưởng chính trị:**

+ Là khả năng của một nhóm xã hội thống trị những nhóm khác hay có ảnh hưởng mạnh mẽ trong việc đề ra quyết định, hay thu được lợi từ các quyết định

+ Đó chính là khả năng chi phối ảnh hưởng trong việc đề ra các chính sách xã hội. Kết quả là họ là những người được hưởng những phần lợi nhiều nhất, hay ít ra họ cũng đem lại lợi ích cho những người có chung những điều kiện và có cùng hoàn cảnh xã hội như họ.

7. Khái niệm phân tầng xã hội. Phân loại phân tầng xã hội. Các hệ thống phân tầng xã hội trong lịch sử. Mối quan hệ giữa bất bình đẳng xã hội và PTXH

*** Khái niệm:**

- Tầng xã hội: Tầng xã hội là tổng thể, tập hợp các cá nhân có cùng một hoàn cảnh xã hội, họ giống nhau hay bằng nhau về địa vị kinh tế (tài sản), địa vị chính trị (quyền lực) và địa vị xã hội (uy tín) về khả năng thăng tiến cũng như giành được những ân huệ hay vị trí trong xã hội.

*** Hệ thống phân tầng trong lịch sử**

- Có 2 kiểu hệ thống phân tầng điển hình nhất: hệ thống phân tầng “đóng” – phân tầng trong xã hội đẳng cấp và hệ thống phân tầng “mở” - phân tầng trong xã hội có giai cấp

+ Hệ thống phân tầng “đóng”: Trong hệ thống phân tầng này, ranh giới giữa các tầng xã hội hết sức rõ rệt và được duy trì một cách nghiêm ngặt, địa vị của một người được ấn định ngay từ đầu, bị quy định ngay lúc mới sinh bởi nguồn gốc, dòng dõi của bố mẹ. Trong xã hội đẳng cấp, duy trì “nội hôn” và cấm những thành viên thuộc các đẳng cấp khác nhau kết hôn với nhau và sự cấm đoán này hết sức nghiêm khắc.

+ Hệ thống phân tầng “mở”: Địa vị của con người chủ yếu phụ thuộc vào địa vị của họ trong hệ thống kinh tế. Địa vị cá nhân thường phụ thuộc trực tiếp vào nghề nghiệp và thu nhập của họ. Trong hệ thống phân tầng này ranh giới không quá cứng nhắc và cách biệt như trong xã hội đẳng cấp mà mềm dẻo, uyển chuyển hơn. Một người nào đó từ tầng lớp thấp có thể chuyển lên đứng vào vị trí của một tầng xã hội cao hơn.

*** Phân loại phân tầng xã hội**

- **Phân tầng xã hội hợp thức:** Là phân tầng xã hội được hình thành một cách tự nhiên, nảy sinh chủ yếu trên cơ sở của sự khác biệt về tài, đức và sự đóng góp, cống hiến thực tế của mỗi cá nhân cho xã hội.

- **Phân tầng xã hội không hợp thức:** Là phân tầng xã hội được hình thành một cách không tự nhiên, do tham nhũng, làm ăn phi pháp, thủ đoạn, mách khoé. Cần phải ngăn chặn kiểm soát và trừng phạt vì nó là bộ mặt của bất công bằng xã hội, thủ tiêu động lực thúc đẩy phát triển xã hội.

Phần 3: Phương Pháp: Cho tên đề tài, xác định:

- Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu